

Họ và tên:..... Lớp: 5A...

ÔN TẬP TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5

ĐỀ SỐ 3

Câu hỏi 1: Từ “mực” trong các từ “mực nước biển”, “lọ mực”, “cá mực” “khăng khăng một mực”, có quan hệ với nhau như thế nào?

A - Đồng âm B - Đồng nghĩa C - Trái nghĩa D - Nhiều nghĩa

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ
"Gió khô ô ...

Gió đẩy cánh buồm đi

Gió chẳng bao giờ mệt!"

A - Đồng ruộng B - Cửa sổ C - Cửa ngõ D - Muối trắng

Câu hỏi 3: Trong các cặp từ sau, cặp nào là cặp từ đồng nghĩa?

A - béo - gầy B - biếu - tặng C - bút - thước D - trước - sau

Câu hỏi 4: Những câu thơ sau do tác giả nào viết ?

"Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy."

A - Nguyễn Thi B - Nguyễn Đình Thi
C - Đoàn Thị Lam Luyện D - Lâm Thị Mỹ Dạ

Câu hỏi 5: Trong câu thơ “Sao đang vui vẻ ra buồn bã/ Vừa mới quen nhau đã lạ lòng.” có những từ trái nghĩa nào?

A - Vui – buồn B - Mới – đã
C - Vui vẻ - buồn bã và quen – lạ lòng D - Đang vui – đã lạ lòng

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, những từ nào là từ láy?

A - Bạn bè, bạn đường, bạn đọc B - Hư hỏng, san sẻ, gấn bó
C - Thật thà, vui vẻ, chăm chỉ D - Giúp đỡ, giúp sức

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào chỉ trạng thái yên ổn, tránh được rủi ro, thiệt hại?

A - an toàn B - an ninh C - an tâm D - an bài

Câu hỏi 8: Trong đoạn thơ sau, có những cặp từ trái nghĩa nào?

"Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa"

A - Bay, sa, thoảng B - Trong- đục

C - Trong - đục, khoan – mau

D - Sa nửa vời – mau sầm sập

Câu hỏi 9: Từ "ông" trong câu "Thời gian như lắng đọng khi ông mãi lặng yên đọc đi, đọc lại những dòng chữ nguyệt ngoác của con mình" thuộc loại từ gì?

A - đại từ

B - động từ

C - danh từ

D - tính từ

Câu hỏi 10: Trong các câu sau, câu nào có từ "bà" là đại từ?

A - Bà Lan năm nay 70 tuổi.

B - Bà ơi, bà có khỏe không?

C - Tôi về quê thăm bà tôi.

D - Tiếng bà dịu dàng và trầm bổng.

Câu hỏi 11: Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây mang nghĩa: "Còn ngày thơ dại đột, chưa biết suy nghĩ chín chắn."?

a/ Trẻ người non dạ

b/ Trẻ non dễ uốn

c/ Trẻ già măng mọc

d/ Trẻ cây cha, già cây con

Câu hỏi 12: Từ 3 tiếng "thương, yêu, tình" có thể tạo được bao nhiêu từ ghép?

a/ 2 từ

b/ 3 từ

c/ 4 từ

d/ 5 từ

Câu hỏi 13: Bằng cách nào Giang Văn Minh buộc vua Minh phải bỏ lệ "góp giỗ Liễu Thăng" trong bài "Trí dũng song toàn"?

a/ đe dọa vua Minh

b/ cầu xin vua Minh

c/ đấu lí với vua Minh

d/ khóc lóc với vua Minh

Câu hỏi 14: Đoạn thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

"Rồi đến chị rất thương

Rồi đến em rất thảo

Ông lành như hạt gạo

Bà hiền như suối trong.."

(Theo Trúc Thông)

a/ so sánh và nhân hóa

b/ nhân hóa và đảo ngữ

c/ điệp từ và so sánh

d/ điệp từ và nhân hóa

Câu hỏi 15: Giải câu đố sau:

Thái sư mưu lược muôn phần

Công lao to lớn, nhà Trần dựng xây?

Đó là ai?

a/ Lý Công Uẩn

b/ Trần Thủ Độ

c/ Trần Hưng Đạo

d/ Lê Hoàn

Câu hỏi 16: Những câu thơ sau trong bài thơ nào?

"Sau khi qua Đèo Gió

Ta lại vượt Đèo Giàng

Lại vượt qua Cao Bắc

Thì ta tới Cao Bằng.."

- a/ Trước cổng trời (Nguyễn Đình Ảnh) c/ Cao Bằng (Trúc Thông)
b/ Chú ở bên bác Hồ (Dương Huy) d/ Chú đi tuần (Trần Ngọc)

Câu hỏi 17: Dòng nào dưới đây có toàn bộ các từ viết sai chính tả?

- a/ sắc suất, sẵn xàng, sạch xề b/ chạm trở, xúng xính, sửa soạn
c/ sơ suất, sóng xanh, xa xôi d/ xô số, xóm xùa, rồi dãi

Câu hỏi 18: Câu văn sau có một quan hệ từ chưa dùng đúng. Đó là từ nào?

“Tắm chăm chỉ, hiền lành nên Cám thì lười biếng, độc ác.

- a/ tuy b/ nên c/ nhưng d/ của

Câu hỏi 19: Trong các câu sau, câu nào là câu ghép?

- a/ Bình yêu nhất đôi bàn tay mẹ.
b/ Sau nhiều năm xa quê, giờ trở về, nhìn thấy con sông đầu làng, tôi muốn giang tay ôm dòng nước để trở về với tuổi thơ.
c/ Mùa xuân, hoa đào, hoa cúc, hoa lan đua nhau khoe sắc.
d/ Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng nhìn cháu âu yếm và mến thương.

Câu hỏi 20: Thành ngữ nào dưới đây nói về truyền thống thương thân tương ái của nhân dân ta?

- a/ Lá lành đùm lá rách b/ Một nắng hai sương
c/ Người ta là hoa đất d/ Chị ngã em nâng

Câu hỏi 21: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Cơn bão dữ dội, bất ngờ nổi lên. Những đợt sóng khủng khiếp phá thủng thân tàu, nước..... vào khoang như vòi rồng.” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.133)

- A - ập B – chảy C – phun D – xối

Câu hỏi 22: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Những vùng cây xanh bỗng òa tươi trong nắng sớm. Ánh đèn từ muôn vòm ô vuông cửa sổ đi rất nhanh và thừa thốt tất.” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr. 132)

- A – tan B – loãng C – lan D – thoảng

Câu hỏi 23: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Hà Nội có chong chóng

Cứ tự quay trong nhà

Không cần trờigió

Không cần bạn chạy xa.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.37)

- A – nổi B – gom C – đôi D – góp

Câu hỏi 24: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Bọn trẻ xua xua tay vào ngọn khói và hát câu đồng dao cổ nghe vui tai:

Khói vềăn cơm với cá

Khói vềlấy đá chập đầu.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr .104)

A – rúa – ri

B – ni – tê

C – tê – ni

D – ri – rúa

Câu hỏi 25: Chọn cặp từ đồng nghĩa phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Rồi đến chị rất thương

Rồi đến em rất thảo

Ôngnhư hạt gạo

Bà như suối trong.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.41)

A – đẹp – tốt B – hiền – lành

C – lành – hiền

D – tốt – đẹp

Câu hỏi 26: Chọn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Trai mà chi, gái mà chi

Sinh con có có là hơn.”

A – đạo – hiếu

B – nghĩa – tình

C – nghĩa – ngì

D – nghĩa – nghi

Câu hỏi 27: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “.....mỡ gà, ai có nhà thì chông”

A – Ráng

B – Vàng

C – Mây

D – Nắng

Câu hỏi 28: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Bốibác mẹ tôi nghèo

Cho nên tôi phải băm bèo, thái khoai.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.33)

A – tại

B – vì

C – chung

D – chung

Câu hỏi 29: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Từ đầu thế kỉ XIX đến sau năm 1945, ở một số vùng, người ta mặc áo dài kể cả khi lao động nặng nhọc. Áo dài phụ nữ có hai loại: áo và áo.....” (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.122)

A – tứ thân – tám thân

B – tứ thân – năm thân

C – tân thời – cách tân

D – mớ ba – mớ bảy

Câu hỏi 30: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Nhấttinh nhất thân vinh.”

A – nghiệp

B – đại

C – nghề

D – nghệ

Câu hỏi 31: Lưu lại đã lâu không giải quyết, xử lí được là nghĩa của từ nào?

A – lưu vong B – lưu bút

C – lưu giữ

D – lưu cữu

Câu hỏi 32: Đây là tên kinh đô thứ hai của nhà TRẦN, nơi đây còn được gọi là Thành Nam?

A – Hà Nam

B – Nam Định

C – Nam Hà

D – Thái Bình

Câu hỏi 33: Ai là tác giả của bài đọc: “Lập làng giữ biển”? (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.36)

A – Hữu Mai

B – Nguyễn Đồng Chi

C – Trần Nhuận Minh

D – Đoàn Minh Tuấn

Câu hỏi 34: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Vượt hai con sông hùng vĩ của miền Bắc, qua đất núi nhu nhú như chín mươi chín cái bánh bao tày đình, băng qua dãy Hoàng Liên Sơn hiểm trở, chọc thủng xong mấy dặm sương mù buốt óc thì lộ lộ bên phải là đỉnh Phan - xi - păng.”

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.58)

A – Sa Pa

B – Tam đường

C – Ô Quy Hồ

D – Mơ – nông

Câu hỏi 35: Tiếng “nữ” không thể đứng sau cụm từ nào?

A – xe đạp.....

B – thi sĩ

C – bóng đá

D – bệnh nhân ...

Câu hỏi 36: Ai là tác giả của bài đọc “Chú đi tuần”? (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.52)

A – Đào Nguyên Bảo

B – Trần Ngọc

C – Hữu Mai

D – Quang Huy

Câu hỏi 37: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống: “Tiếng động cơ nổ giòn. Chưa đầy nửa giờ sau, anh đã hòa lẫn vào dòng người giữa phố phường

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.62)

A – huyên náo

B – tấp nập

C – náo nhiệt

D – đông đúc

Câu hỏi 38: Cặp quan hệ từ nào phù hợp với chỗ trống trong câu sau:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng

..... rằng khác giống chung một giàn.”

A – Vì – nên

B – Tuy – nhưng

C – Không những – mà còn

D – Nếu – thì

Câu hỏi 39: Trạng ngữ trong câu: “Bằng một giọng thân tình, thầy khuyên chúng em gắng học bài, làm bài tập đầy đủ.” là trạng ngữ chỉ gì?

A – nơi chốn

B – nguyên nhân

C – phương tiện

D – thời gian

Câu hỏi 40: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống:

“Đường tuần tra lên chóp Hai ngàn

Gió vù vù quét ngang cành búa

Trông xa xa ánh lửa

Vật vờ đầu súng sương sa.

(SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.48)

A – bập bùng

B – lập lòe

C – nhấp nhòe

D – rùng rục